

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt vị trí việc làm và số lượng người làm việc của
Trung tâm Kiểm dịch Y tế Quốc tế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 8/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 8/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 507/TTr-SNV ngày 29/8/2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trung tâm Kiểm dịch Y tế Quốc tế trực thuộc Sở Y tế (sau đây gọi là Trung tâm), như sau:

1. Vị trí việc làm của Trung tâm gồm: **14** vị trí, trong đó:

- Vị trí việc làm gắn với chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành: **06** vị trí.
- Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp: **04** vị trí.
- Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ: **04** vị trí.

2. Về số lượng người làm việc của Trung tâm **35** chỉ tiêu, thuộc biên chế của đơn vị tự chủ kinh phí hoạt động (*không nằm trong tổng chỉ tiêu số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt*). Việc điều chỉnh vị trí việc làm, số lượng người làm việc do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề án vị trí việc làm của đơn vị và theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

Việc quản lý, sử dụng số lượng người làm việc tại Trung tâm được áp dụng theo các quy định về quản lý viên chức; hàng năm Sở Y tế có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc tại Trung tâm về Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (qua Sở Nội vụ tổng hợp, theo dõi).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng số người làm việc theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Sở Nội vụ (3b);
- Sở Tài chính;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC2.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỐI THIỂU
ĐỐI VỚI TRUNG TÂM KIỂM DỊCH Y TẾ QUỐC TẾ TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

Stt	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu	Số lượng người làm việc	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	6			10	
1	Cấp trưởng	3			6	
1.1	Giám đốc	1	Bác sĩ y học dự phòng/ YTCC	Hạng II	1	
1.2	Trưởng phòng	1	Bác sĩ/Bác sĩ y học dự phòng/YTCC hoặc tương đương	Hạng III	2	
1.3	Trưởng khoa	1	Bác sĩ/Bác sĩ y học dự phòng	Hạng III	3	
2	Cấp phó	3			4	
2.1	Phó giám đốc	1	Bác sĩ/Bác sĩ y học dự phòng/YTCC	Hạng II	2	
2.2	Phó trưởng khoa	1	Bác sĩ/Bác sĩ y học dự phòng/YTCC	Hạng III	1	
2.3	Phó trưởng phòng	1	Bác sĩ/Bác sĩ y học dự phòng/YTCC/ Dược sỹ đại học hoặc tương đương	Hạng III	1	
II	Tên vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	4			20	
1	Kiểm dịch Y tế	1	Bác sĩ; Dược sỹ; CN YTCC; y sỹ	Hạng III/Hạng IV	7	
2	Xử lý y tế	1	Bác sĩ; CNYTCC; Y sỹ	Hạng III/Hạng IV	7	
3	Quản lý sức khỏe	1	Bác sĩ; Dược sỹ; CNYTCC; Y sỹ; Điều dưỡng	Hạng III/Hạng IV	5	
4	Xét nghiệm	1	Kỹ thuật y	Hạng IV	1	
III	Tên vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	4			5	
1	Kế toán	1	Kế toán viên	Loại C	2	Vận dụng ngạch công chức
2	Phiên dịch	1	Chuyên viên	Loại C	1	Vận dụng ngạch công chức

Stt	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu	Số lượng người làm việc	Ghi chú
3	Văn thư, đưa trả	1	Nhân viên	Loại C	1	Vận dụng ngạch công chức
4	Lái xe	1	Nhân viên		1	
	Tổng	14			35	

Handwritten mark




KHUNG NĂNG LỰC CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM

ĐỐI VỚI TRUNG TÂM KIỂM DỊCH Y TẾ QUỐC TẾ TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

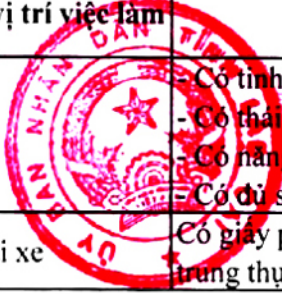
STT	Danh mục vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện	Ghi chú
1	2	3	4
I	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		
1	Cấp trưởng		
1.1	Giám đốc	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ hoặc khoản 2, điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng. Có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn về lãnh đạo, quản lý của tỉnh Lào Cai.</p> <p>Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Theo quy định tại khoản 3, Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ hoặc khoản 3, điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng.</p>	
1.2	Trưởng phòng	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác. Có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn về lãnh đạo, quản lý của tỉnh Lào Cai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Nắm vững nghiệp vụ về lĩnh vực được giao phụ trách, quản lý - Có chứng chỉ phù hợp với vị trí công tác và chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm 	
1.3	Trưởng khoa	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ hoặc khoản 2, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng. Có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn về lãnh đạo, quản lý của tỉnh Lào Cai.</p> <p>Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Theo quy định tại khoản 3, Điều 9 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ hoặc khoản 3, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng.</p>	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện	Ghi chú
2	Cấp phó		
2.1	Phó giám đốc	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ hoặc khoản 2, điều 6 Thông tư 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên bộ Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng. Có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn về lãnh đạo, quản lý của tỉnh Lào Cai.</p> <p>Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Theo quy định tại khoản 3, Điều 9 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ hoặc khoản 3, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng.</p>	
2.2	Phó trưởng phòng	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác. Có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn về lãnh đạo, quản lý của tỉnh Lào Cai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Năm vững nghiệp vụ về lĩnh vực được giao phụ trách, quản lý - Có chứng chỉ phù hợp với vị trí công tác và chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm 	
2.3	Phó trưởng khoa	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Theo quy định tại khoản 2, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng. Có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn về lãnh đạo, quản lý của tỉnh Lào Cai.</p> <p>Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Theo quy định tại khoản 3, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng.</p>	
II	Tên vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp		
1	Kiểm dịch vụ tế	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 6; khoản 2 điều 9; khoản 2 điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; khoản 2, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng và khoản 2 điều 6 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược</p>	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện	Ghi chú
1		<p>Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Theo quy định tại khoản 3, Điều 6; khoản 3 điều 9; khoản 3 điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; khoản 3, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng và khoản 3 điều 6 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược</p>	
2	Xử lý y tế	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 6; khoản 2 điều 9; khoản 2 điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; khoản 2, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng</p> <p>Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Theo quy định tại khoản 3, Điều 6; khoản 3 điều 9; khoản 3 điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; khoản 3, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng</p>	
3	Quản lý sức khỏe	<p>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; khoản 2, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng; khoản 2 điều 6, khoản 2 điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên bộ Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược và khoản 2 điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.</p> <p>Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Theo quy định tại khoản 3, Điều 6; khoản 3 điều 9; khoản 3 điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; khoản 3, điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của bộ Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng; khoản 3 điều 6; khoản 3 điều 7 thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược và khoản 3 điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y</p>	



STT	Danh mục vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện	Ghi chú
4	Xét nghiệm	<p><i>Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:</i> Theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.</p> <p><i>Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:</i> Theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y</p>	
III Tên vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Báo cáo - Tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành phù hợp với vị trí công - Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Được bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên hoặc tương đương trở lên - Có tinh thần trách nhiệm cao; - Có thái độ phục vụ nhân dân tốt; - Kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác chuyên ngành; - Có đủ sức khỏe để công tác 	
2	Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành kế toán - Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán viên trở lên - Có tinh thần trách nhiệm cao; - Có thái độ phục vụ nhân dân tốt - Kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác chuyên ngành - Có đủ sức khỏe để công tác 	
3	Phiên dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ đại học trở lên - Có trình độ ngoại ngữ tiếng trung HSK - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Có tinh thần trách nhiệm cao; - Có thái độ phục vụ nhân dân tốt - Kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác chuyên ngành - Có đủ sức khỏe để công tác 	
4	Văn thư, lưu trữ	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ từ cao đẳng trở lên; có chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ; được bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước ngạch cán sự hoặc tương đương trở lên; - Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông 	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện	Ghi chú
		 <ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần trách nhiệm cao; - Có thái độ phục vụ nhân dân tốt; - Có năng lực thực thi nhiệm vụ; - Có đủ sức khỏe để công tác; 	
5	Lái xe	Có giấy phép lái xe từ hạng B2 trở lên; có tinh thần trách nhiệm, trung thực, tác phong nhanh nhẹn, hoạt bát và sức khỏe tốt.	

u